

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2020

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Ân

Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Đào Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Nhật Thiên T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 2/17, tổ 20, khu C, thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Minh Ngọc T1**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: 6980 A Ave I Grove H MN 55077 USA.

(Bà T, ông T1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn và các bản tường trình, nguyên đơn bà Trần Nhật Thiên T trình bày:

Bà và ông Minh Ngọc T1 quen biết nhau từ năm 2015 đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 30/12/2016. Ngày 05/01/2017, bà và ông T1 tổ chức lễ đính hôn. Sau đó ông T1 quay về Mỹ đến tháng 08/2017 ông T1 trở lại Việt Nam và tổ chức đám cưới vào ngày 31/8/2017.

Sau khi kết hôn, ông T1 trở về Mỹ và thỉnh thoảng về Việt Nam thăm bà. Thời gian dài vợ chồng không chung sống với nhau do khoảng cách địa lý và chênh lệch về tuổi tác dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không T1 hề hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Minh Ngoc T1.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Minh Ngoc T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật (thông qua việc ủy thác tư pháp), tuy nhiên ông Minh Ngoc T1 không có mặt tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Nhật Thiên T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Minh Ngoc T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Nhật Thiên T và ông Minh Ngoc T1 tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 30/12/2016 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Hiện tại bà Trần Nhật Thiên T và ông Minh Ngoc T1 không chung sống với nhau, quan hệ tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nên căn cứ Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Nhật Thiên T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Theo quy định của pháp luật, bà Trần Nhật Thiên T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Nhật Thiên T và ông Minh Ngoc T1 kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, hiện không có

khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên xem xét cho ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, ông T1 không có lời khai, nên không đặt ra giải quyết.

Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 37, 227, 228, 238, 474, 475 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Nhật Thiên T về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Nhật Thiên T được ly hôn ông Minh Ngọc T1.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Nhật Thiên T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 005463 ngày 31/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào án phí sơ thẩm bà T phải chịu.

Bà Trần Nhật Thiên T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; ông Minh Ngọc T1 được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND H. Long Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Long Châu

